

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132/2011, quyển số 01/2011 ngày 26 tháng 10 năm 2011 tại UBND xã P, huyện Từ Liêm (nay là phường P, quận Bắc Từ Liêm), TP. Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 458/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2024, về việc “Yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hôn nhân gia đình”, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Chử Thị Huyền A, sinh năm 1987; HKTT và nơi cư trú: TDP A, phường P, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Anh Vũ Anh T, sinh năm 1983; HKTT và nơi cư trú: TDP A, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Chị Chử Thị Huyền A và anh Vũ Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 10 năm 2011 tại UBND xã P, huyện T (nay là phường P, quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Anh – chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị Chử Thị Huyền A xin ly hôn, anh Vũ Anh T đồng ý yêu cầu của chị. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Gia M, sinh ngày 09/03/2014 (Nam) và cháu Vũ Gia K, sinh ngày 06/11/2018 (Nam). Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Vũ Gia M và cháu Vũ Gia K cho chị Chủ Thị Huyền A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh chị tự thỏa thuận mức cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Xét yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Chủ Thị Huyền A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Chủ Thị Huyền A và anh Vũ Anh T.

- *Về con chung:* Chị Chủ Thị Huyền A và anh Vũ Anh T có 02 con chung là cháu Vũ Gia M, sinh ngày 09/03/2014 (Nam) và cháu Vũ Gia K, sinh ngày 06/11/2018 (Nam).

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên: Giao cháu Vũ Gia M và cháu Vũ Gia K cho chị Chủ Thị Huyền A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về quyền đi lại, chăm sóc con chung: Anh Vũ Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Chủ Thị Huyền A tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số: 0021953 ngày 03/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Quang Hậu